

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ về "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn X, sinh năm 1967

Bị đơn: Bà Đặng P, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Số O đường P, khu phố 2, phường PM, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: M, Gò Ô M, khu phố 2, Phường PT, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Khu 3, Thị trấn C, Huyện Lạc T, tỉnh H.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ tạm trú: Số P Khu phố 5, Thị trấn N, Huyện N, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Nhà máy X

Địa chỉ: T, đường Huỳnh T, xã P, Huyện N, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn S, sinh năm 1942

Địa chỉ: L, Nguyễn H, Phường I, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn X và bà Đặng P thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số 32, do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/1999 không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Ông Nguyễn X và bà Đặng P trong thời gian chung sống có hai (2) con chung tên:

- Nguyễn T (Nam), sinh ngày 09/4/1999 (đã trưởng thành)
- Nguyễn Th (Nam), sinh ngày 03/12/2003.

Các đương sự thống nhất: Sau khi ly hôn ông Nguyễn X được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn T, sinh ngày 03/12/2003, Đặng P không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

3.1 Các đương sự thống nhất xác nhận có tài sản chung như sau:

- Nhà và đất số A, Gò Ô Môi, tổ 21, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7. Thành phố Hồ Chí Minh (nhà chưa có giấy tờ chủ quyền theo quy định pháp luật)
- Nhà đất nhà tại địa chỉ Số O đường P, khu phố 2, phường PM, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà chưa có chủ quyền theo quy định pháp luật)

3.2 Các đương sự thống nhất chia tài sản chung như sau:

3.2.1 Ông Nguyễn X được toàn quyền định đoạt đối với nhà đất tại số A Gò Ô Môi, tổ 21, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ chí Minh.

3.2.2 Bà Đặng P được toàn quyền định đoạt đối với nhà đất tại địa chỉ Số O đường P, khu phố 2, phường PM, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.3 Ông Nguyễn X tự chịu trách nhiệm và tự liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đóng các thuế, các loại phí để cập nhật, làm giấy tờ chủ quyền nhà đất số A Gò Ô Môi, tổ 21, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7. Thành phố Hồ chí Minh cho tên của ông (Nguyễn X), theo quy định pháp luật.

3.2.4 Bà Đặng P cũng tự chịu trách nhiệm và tự liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đóng các thuế, các loại phí để làm thủ tục cấp chủ quyền nhà đất số Số O

đường P, khu phố 2, phường PM, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho tên của bà (Đặng P) theo quy định pháp luật.

3.2.5 Các đương sự thống nhất trị giá các tài sản như sau:

- Nhà đất tại địa chỉ Số O đường P, khu phố 2, phường PM, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá là 3.000.000.000 đồng
- Nhà đất tại số A Gò Ô Môi, tổ 21, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7. Thành phố Hồ Chí Minh trị giá là 1.000.000.000 đồng

3.2.6 Các đương sự thống nhất tự chịu án phí dân sự sơ thẩm cho hòa giải thành phần tài sản chung mình được nhận chia theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung

Đình chỉ đối với yêu cầu chia nợ chung của bà Đặng P (theo đơn phản tố đề ngày 3/6/2019 của bà Đặng P, ngày 17/10/2019 bà Đặng P đồng ý rút yêu cầu ông Nguyễn Xuân không phải có trách nhiệm phần nợ chung trong thời kỳ hôn nhân)

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Ông Nguyễn X tự nguyện chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026920 ngày 3/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Nguyễn X số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2 Ông Nguyễn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho hòa giải thành, đối với tài sản là nhà và đất số A Gò Ô Môi, tổ 21, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là 21.000.000 đồng, cần trừ vào số tiền ông Nguyễn Xuân Chín đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0031535 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố HỒ Chí Minh. Ông Nguyễn X phải nộp thêm 9.000.000 đồng.

5.3 Bà Đặng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho hòa giải thành, đối với tài sản chung là Số O đường P, khu phố 2, phường PM, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là 46.000.000 đồng, cần trừ vào số tiền bà Đặng P đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0031223 ngày 6/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố HỒ Chí Minh. Hoàn trả cho bà Đặng P số tiền 6.240.000 đồng.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THA DS Q.7, TPHCM;
- UBND TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK, Đức).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy